

Mẫu CBTT/SGDHCM - 02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016 của TGD SGDCK
TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP VICASA
Số: 11/CV-HĐQT-VCA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: CBTT-BCTC năm 2025 sau
kiểm toán (Kèm giải trình)

Đồng Nai, ngày 31 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA**
- Mã chứng khoán : **VCA**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1 đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại: 0251 3836148
- Người thực hiện công bố thông tin: (Bà) Nguyễn Thị Ngọc Thanh
Chức vụ: Phụ trách kế toán Công ty. Điện thoại (di động): 0979 575985
- Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
- Nội dung thông tin công bố:
 1. Báo cáo Tài chính năm 2025 sau kiểm toán
 2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận năm 2025
 3. Giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trên Báo cáo tài chính năm 2025Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31/03/2026 tại đường dẫn: <http://www.vicasasteel.com>
- Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM
- Lưu Văn thư

Người được ủy quyền CBTT



Nguyễn Thị Ngọc Thanh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	07 - 36
Bảng cân đối kế toán	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép VICASA (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép VICASA đổi tên từ Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL theo Nghị quyết số 12/NQ-DHĐCĐ-VCA ngày 26/12/2025. Công ty tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA), được thành lập theo Quyết định số 2255/QĐ-BCN ngày 29/06/2007 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 641/QĐ-TCLĐ ngày 21/09/2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Thép Biên Hòa thành Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600961762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư nay là Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 26 tháng 03 năm 2026.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 12/NQ-DHĐCĐ-VCA ngày 26/12/2025, các cổ đông Công ty thông qua các nội dung sau:

- Thông qua việc di dời Công ty đến địa điểm mới, đồng thời Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tìm địa điểm phù hợp. Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa tìm được địa điểm di dời.
- Thông qua chủ trương đầu tư dự án có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Thông qua phương án xử lý các tài sản có tổng giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Thay đổi tên Công ty;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty;
- Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty;
- Thông qua chủ trương hợp đồng/giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Thành viên HĐQT với Công ty;
- Miễn nhiệm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028;
- Bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028;
- Miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028;
- Bầu cử Bổ sung Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028;

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-DHĐCĐ-VCA ngày 06/02/2026, các cổ đông Công ty đã thông qua các nội dung sau bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- Thông qua tờ trình thay đổi địa chỉ trụ sở chính;
- Thông qua tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các Quy chế của Công ty.

Công ty Cổ phần Thép VICASA

Số 1, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Bảo Khánh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26/12/2025
Ông Bùi Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/12/2025
Ông Phạm Quý Giáp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/12/2025
Ông Nguyễn Phú Dương	Chủ tịch	Từ ngày 09/04/2025 đến ngày 26/12/2025
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 09/04/2025
Ông Ngô Tiến Thọ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/12/2025
Ông Dương Văn Hà	Thành viên	Từ ngày 09/04/2025 đến ngày 26/12/2025
Ông Nguyễn Văn Thoan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09/04/2025
Ông Nguyễn Bảo Giang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/12/2025
Ông Hoàng Ngọc Chiến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/12/2025

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Khắc Sơn	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/03/2026
Ông Ngô Tiến Thọ	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 23/03/2026
Ông Nguyễn Quyết Chiến	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/02/2026
Ông Vũ Hồng Khanh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/01/2026
Ông Vương Thanh Đường	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/07/2025

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Long	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26/12/2025
Bà Bùi Thị Đoan Thục	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/12/2025
Bà Lê Thị Mộng Tuyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/12/2025
Bà Ngô Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	Từ ngày 09/04/2025 đến ngày 26/12/2025
Ông Nguyễn Phước Hải	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 09/04/2025
Ông Nguyễn Bạch Đường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/12/2025
Ông Đặng Minh Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/12/2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến hết ngày 22/03/2026 là Ông Ngô Tiến Thọ - Tổng Giám đốc. Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 23/03/2026 cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Bảo Khánh - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Nguyễn Khắc Sơn - Giám đốc được Ông Nguyễn Bảo Khánh - Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo giấy ủy quyền số 01-26/UQ-VCS ngày 26/03/2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Khắc Sơn

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép VICASA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép VICASA được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 01 và Thuyết minh số 34 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, nhà máy của Công ty nằm trong phạm vi quy hoạch chuyển đổi công năng Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu Đô thị – Thương mại – Dịch vụ theo Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 22/02/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai và Thông báo số 438/TB-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Biên Hòa. Ngoài ra, theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1515/QĐ-XPHC ngày 09/05/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai, Công ty bị đình chỉ hoạt động trong 3,75 tháng do chưa có giấy phép môi trường và buộc phải di dời toàn bộ cơ sở sản xuất trước ngày 01/12/2025. Do đó, Công ty đã ngừng hoạt động sản xuất tại lò luyện thép và sản sản thành phẩm. Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa thực hiện di dời nhà máy cũng như chưa có phương án chính thức về kế hoạch di dời. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam nhưng chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá việc Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp hay không.

Đến thời điểm hiện tại, Chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi và xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho bao gồm nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu và phụ tùng với tổng giá trị tại thời điểm 31/12/2025 là 30.459.189.266 VND. Do đó, chúng tôi chưa thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại đoạn Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép VICASA tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Ngô Minh Quý
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2023-002-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Đào Trung Thành
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4700-2024-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		163.971.469.706	294.871.007.160
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	90.676.733.224	28.034.599.442
111	1. Tiền		4.676.733.224	28.034.599.442
112	2. Các khoản tương đương tiền		86.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.723.106.682	63.446.360.178
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	4.573.264.260	63.153.395.560
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	579.726.669	180.714.618
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	317.665.753	112.250.000
139	4. Tài sản thiếu chờ xử lý	07	252.450.000	-
140	IV. Hàng tồn kho	08	66.445.632.042	194.766.173.064
141	1. Hàng tồn kho		70.937.498.167	194.766.173.064
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.491.866.125)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.125.997.758	8.623.874.476
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	774.912.226	1.450.964.295
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	6.821.824.649
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	351.085.532	351.085.532
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		10.379.630.339	25.094.356.797
220	II. Tài sản cố định		7.725.915.887	17.144.721.483
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	7.725.915.887	17.144.721.483
222	- Nguyên giá		380.091.760.622	392.819.715.852
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(372.365.844.735)	(375.674.994.369)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	575.983.500
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	-	575.983.500
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.653.714.452	7.373.651.814
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.653.714.452	7.373.651.814
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		174.351.100.045	319.965.363.957

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.354.235.294	127.608.967.046
310	I. Nợ ngắn hạn		4.354.235.294	127.608.967.046
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	49.677.345	47.036.970.345
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	50.000.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.192.434.893	-
314	4. Phải trả người lao động		1.541.417.940	10.630.656.767
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	103.155.546	7.873.769.665
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.364.699.633	1.474.162.909
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	-	60.433.592.638
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		52.849.937	159.814.722
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		169.996.864.751	192.356.396.911
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	169.996.864.751	192.356.396.911
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		151.873.220.000	151.873.220.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		151.873.220.000	151.873.220.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		20.441.721.380	20.441.721.380
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.999.169.000	14.999.169.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(17.317.245.629)	5.042.286.531
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.938.588.236	4.005.303.583
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(22.255.833.865)	1.036.982.948
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		174.351.100.045	319.965.363.957

Huỳnh Thị Kim Tuyền
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Thanh
Phụ trách kế toán



Nguyễn Khắc Sơn
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.018.989.152.500	1.361.919.134.847
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	1.407.172.400	4.161.082.266
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.017.581.980.100	1.357.758.052.581
11	4. Giá vốn hàng bán	22	1.000.482.890.280	1.328.119.083.164
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.099.089.820	29.638.969.417
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	2.161.064.949	1.065.344.105
22	7. Chi phí tài chính	24	1.917.970.592	3.673.806.484
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.647.931.228	3.617.829.729
25	8. Chi phí bán hàng	25	8.070.237.499	12.739.005.135
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.787.735.307	13.244.604.487
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(16.515.788.629)	1.046.897.416
31	11. Thu nhập khác	27	2.344.199.836	-
32	12. Chi phí khác	28	8.084.245.072	-
40	13. Lợi nhuận khác		(5.740.045.236)	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(22.255.833.865)	1.046.897.416
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	9.914.468
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(22.255.833.865)	1.036.982.948
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	(1.465)	68



Huỳnh Thị Kim Tuyền
Người lập





Nguyễn Thị Ngọc Thanh
Phụ trách kế toán

Nguyễn Khắc Sơn
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(22.255.833.865)	1.046.897.416
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		8.856.309.592	10.921.049.078
03	- Các khoản dự phòng		4.491.866.125	(4.701.735.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(604.357)	(66.500.348)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.585.956.930)	(150.930.177)
06	- Chi phí lãi vay		1.647.931.228	3.617.829.729
07	- Các khoản điều chỉnh khác		575.983.500	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(9.270.304.707)	10.666.610.698
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		64.792.743.898	(14.979.045.247)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		124.062.614.897	(26.554.916.566)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(62.509.830.971)	31.248.485.774
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		5.395.989.431	3.380.090.203
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.695.617.591)	(3.626.371.456)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(912.054.489)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(210.663.080)	(715.120.990)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		120.564.931.877	(1.492.322.073)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.400.000.000	-
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		266.847.181	150.930.177
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.666.847.181	150.930.177
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		329.016.034.250	720.253.239.348
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(389.449.626.888)	(709.105.166.724)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(156.656.995)	(141.962.325)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(60.590.249.633)	11.006.110.299
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		62.641.529.425	9.664.718.403

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		28.034.599.442	18.369.443.481
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		604.357	437.558
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>90.676.733.224</u>	<u>28.034.599.442</u>

Huỳnh Thị Kim Tuyền
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Thanh
Phụ trách kế toán



Nguyễn Khắc Sơn
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép VICASA đổi lên từ Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL theo Nghị quyết số 12/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 26/12/2025. Công ty tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA), được thành lập theo Quyết định số 2255/QĐ-BCN ngày 29/06/2007 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 641/QĐ-TCLĐ ngày 21/09/2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Thép Biên Hòa thành Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600961762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư nay là Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 26 tháng 03 năm 2026.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 151.873.220.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 151.873.220.000 VND; tương đương 15.187.322 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 75 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 290 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất Sắt, thép, gang;
- Sản xuất khí đốt;
- Tái chế phế liệu.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, hoạt động sản xuất của Công ty chịu ảnh hưởng đáng kể do bị đình chỉ theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1515/QĐ-XPHC ngày 09/05/2025 của Ủy ban Nhân dân (gọi tắt là "UBND") tỉnh Đồng Nai về việc tạm ngừng hoạt động đối với nguồn phát sinh chất thải không có giấy phép môi trường. Theo quyết định, Công ty buộc phải di dời nhà máy đến địa điểm phù hợp với quy hoạch và phân vùng môi trường; việc thi hành bắt đầu từ ngày 23/05/2025 và kéo dài trong thời hạn 3,75 tháng. Do đó, Công ty đã ngưng hoạt động sản xuất tại khu vực lò luyện thép và sản cán thành phẩm, khiến hoạt động sản xuất thép cán và phôi thép bị gián đoạn. Sự kiện này cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 34 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Theo kế hoạch, Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP đã hoàn tất việc thoái vốn toàn bộ tạo điều kiện cho nhà đầu tư mới có tiềm lực tiếp quản và triển khai kế hoạch di dời. Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 12/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 26/12/2025, cổ đông Công ty thông qua chủ trương đầu tư "Dự án di dời Công ty Cổ phần Thép VICASA -VNSTEEL" đến địa điểm mới. Theo đó, dự án này có tổng mức đầu tư dự kiến từ 1.500 tỷ đến 2.000 tỷ đồng, thời gian thực hiện dự kiến từ năm 2025 đến 2027. Đồng thời, căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 06/02/2026, các cổ đông Công ty đã thông qua việc thay đổi trụ sở chính Công ty đến số 1, Đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai, nhằm từng bước hoàn tất các thủ tục bàn giao mặt bằng, chấm dứt hợp đồng thuê đất với Tổng Công ty Sonadezi, sau đó là tìm phương án di dời nhà máy sản xuất của Công ty đến địa điểm phù hợp. Trên các cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vẫn được lập trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong thời gian tới là phù hợp.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.



2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 08	năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 06 tháng đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí tiền điện, chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

05 - C
CÔNG TY
HỮU HẠN
M T O A I
SC
5 H A T

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là chiết khấu thương mại.

Khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất thép và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	136.023.765	95.752.973
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.540.709.459	20.060.528.661
Tiền đang chuyển	-	7.878.317.808
Các khoản tương đương tiền (*)	86.000.000.000	-
	90.676.733.224	28.034.599.442

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 86.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 4,75%/năm.

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	-	-	22.501.752.924	-
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	-	-	15.525.679.589	-
Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	-	-	6.976.073.335	-
Bên khác	4.573.264.260	-	40.651.642.636	-
Công ty TNHH Thép VAS An Hưng Tường	4.500.771.660	-	-	-
Chip Mong Group Ltd	-	-	40.373.847.888	-
Các đối tượng khác	72.492.600	-	277.794.748	-
	4.573.264.260	-	63.153.395.560	-

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty TNHH MIV Môi trường Phúc An Khang	-	-	136.500.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công Nghiệp	535.268.740	-	-	-
Các đối tượng khác	44.457.929	-	44.214.618	-
	579.726.669	-	180.714.618	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi	247.665.753	-	-	-
Tạm ứng	10.000.000	-	50.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	60.000.000	-	50.000.000	-
Phải thu khác	-	-	12.250.000	-
	317.665.753	-	112.250.000	-

7 . TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị		Giá trị	Giá trị
	VND		VND	VND
Hàng tồn kho	252.450.000		-	
	252.450.000		-	

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	70.912.826.276	(4.491.866.125)	95.186.930.351	-
Công cụ, dụng cụ	24.671.891	-	68.716.335	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	35.909.468.185	-
Thành phẩm	-	-	63.601.058.193	-
	70.937.498.167	(4.491.866.125)	194.766.173.064	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí di dời, cải tạo, nâng cấp xưởng luyện cán thép	-	575.983.500
	-	575.983.500

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	60.860.157.311	289.405.506.230	34.108.914.806	8.445.137.505	392.819.715.852
- Thanh lý, nhượng bán	(168.671.340)	(12.229.283.890)	(330.000.000)	-	(12.727.955.230)
Số dư cuối năm	60.691.485.971	277.176.222.340	33.778.914.806	8.445.137.505	380.091.760.622
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	60.539.133.767	274.495.954.378	32.768.997.508	7.870.908.716	375.674.994.369
- Khấu hao trong năm	204.475.845	8.062.580.566	346.916.665	242.336.516	8.856.309.592
- Thanh lý, nhượng bán	(168.671.340)	(11.795.121.221)	(201.666.665)	-	(12.165.459.226)
Số dư cuối năm	60.574.938.272	270.763.413.723	32.914.247.508	8.113.245.232	372.365.844.735
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	321.023.544	14.909.551.852	1.339.917.298	574.228.789	17.144.721.483
Tại ngày cuối năm	116.547.699	6.412.808.617	864.667.298	331.892.273	7.725.915.887

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 320.604.154.313 VND.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	95.508.891	949.045.162
Chi phí bảo hiểm tài sản	-	462.805.133
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	679.403.335	39.114.000
	<u>774.912.226</u>	<u>1.450.964.295</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.653.714.452	6.978.442.122
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	395.209.692
	<u>2.653.714.452</u>	<u>7.373.651.814</u>

Y
UHA
TOP
C
HA

Công ty Cổ phần Thép VICASA

Số 1, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

12 . CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	24.187.827.950	24.187.827.950	177.431.367.038	201.619.194.988	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	36.245.764.688	36.245.764.688	103.353.549.045	139.599.313.733	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	-	48.231.118.167	48.231.118.167	-	-
	60.433.592.638	60.433.592.638	329.016.034.250	389.449.626.888	-	-

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	-	-	1.108.543.875	1.108.543.875
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	-	-	262.095.143	262.095.143
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện Kim	-	-	706.354.000	706.354.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	-	-	122.422.747	122.422.747
Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	-	-	2.414.929	2.414.929
Công ty Cổ Phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	-	-	15.257.056	15.257.056
Bên khác	49.677.345	49.677.345	45.928.426.470	45.928.426.470
Công ty TNHH Phế liệu Huy Hoàng Gia	-	-	18.990.170.100	18.990.170.100
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng Phúc Ấn	-	-	7.767.217.700	7.767.217.700
Công ty TNHH Thương mại Tân Thiện Hòa	-	-	7.137.559.000	7.137.559.000
Công ty TNHH Thảo Hùng Phát	-	-	2.482.865.000	2.482.865.000
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo Vệ Phát Minh Vượng	35.241.480	35.241.480	35.241.480	35.241.480
Công ty Cổ phần Hai Bốn Bảy	14.024.531	14.024.531	-	-
Các đối tượng khác	411.334	411.334	9.515.373.190	9.515.373.190
	49.677.345	49.677.345	47.036.970.345	47.036.970.345

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xây dựng Gia Hân Vĩnh Long	50.000.000	-
	50.000.000	-

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	4.928.742.999	3.736.308.106	-	1.192.434.893
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	71.070.505	71.070.505	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	351.085.532	-	-	-	351.085.532	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	1.518.783.745	1.518.783.745	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	12.211.200	12.211.200	-	-
Phí môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	350.000.000	350.000.000	-	-
	351.085.532	-	6.883.808.449	5.691.373.556	351.085.532	1.192.434.893

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	47.686.363
Trích trước chi phí mua hàng	-	3.225.703.900
Trích trước tiền điện	18.155.546	4.515.379.402
Chi phí phải trả khác	85.000.000	85.000.000
	103.155.546	7.873.769.665

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	474.258.667	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	390.626.670
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	494.400.781	651.057.776
Các khoản phải trả, phải nộp khác	396.040.185	432.478.463
	1.364.699.633	1.474.162.909

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	151.873.220.000	20.441.721.380	14.999.169.000	4.880.239.295	192.194.349.675
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.036.982.948	1.036.982.948
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thường ban điều hành	-	-	-	(874.935.712)	(874.935.712)
Số dư cuối năm trước	151.873.220.000	20.441.721.380	14.999.169.000	5.042.286.531	192.356.396.911
Số dư đầu năm nay	151.873.220.000	20.441.721.380	14.999.169.000	5.042.286.531	192.356.396.911
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(22.255.833.865)	(22.255.833.865)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thường ban điều hành (*)	-	-	-	(103.698.295)	(103.698.295)
Số dư cuối năm nay	151.873.220.000	20.441.721.380	14.999.169.000	(17.317.245.629)	169.996.864.751

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 03/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 09/04/2025, Công ty công bố việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2024 với giá trị quỹ trích lập là 103.698.295 VND.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Bùi Tuấn Anh	65,00	98.718.750.000	0,00	-
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	0,00	-	65,00	98.718.750.000
Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	7,14	10.846.290.000	7,14	10.846.290.000
Các cổ đông khác	27,86	42.308.180.000	27,86	42.308.180.000
	100	151.873.220.000	100	151.873.220.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	151.873.220.000	151.873.220.000
- Vốn góp cuối năm	151.873.220.000	151.873.220.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	651.057.776	793.020.101
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(156.656.995)	(141.962.325)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(156.656.995)	(141.962.325)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	494.400.781	651.057.776

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.187.322	15.187.322
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	15.187.322	15.187.322
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	15.187.322	15.187.322
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	14.999.169.000	14.999.169.000
	14.999.169.000	14.999.169.000

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng với Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp để thuê đất tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để sử dụng với mục đích làm văn phòng, nhà xưởng từ năm 2001 đến năm 2051. Diện tích khu đất thuê là 197.436 m². Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang làm thủ tục chấm dứt hợp đồng. Chi tiết xem tại Thuyết minh 34.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
Đồng đô la Mỹ (USD)	2.928,79	235.155,64

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	916.288.398.395	1.354.477.308.890
Doanh thu gia công	3.970.387.600	1.887.832.640
Doanh thu bán vật tư, phế liệu	96.003.488.754	502.940.348
Doanh thu khác	2.726.877.751	5.051.052.969
	1.018.989.152.500	1.361.919.134.847
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)</i>	835.923.992.488	1.016.972.112.908

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.407.172.400	4.161.082.266
	1.407.172.400	4.161.082.266
Trong đó: Các khoản giảm trừ đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)</i>	1.407.172.400	4.161.082.266

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	896.623.828.951	1.324.052.521.395
Giá vốn dịch vụ gia công	2.583.390.744	1.660.800.560
Giá vốn của vật tư, phế liệu đã bán	93.398.230.728	390.725.204
Giá vốn khác	3.385.573.732	2.015.036.005
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.491.866.125	-
	1.000.482.890.280	1.328.119.083.164
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)</i>	3.321.891.989	4.655.861.889

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	514.512.934	150.930.177
Lãi bán hàng trả chậm	-	106.239.928
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.645.947.658	741.673.652
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	604.357	66.500.348
	2.161.064.949	1.065.344.105
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)</i>	-	17.904.118

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.647.931.228	3.617.829.729
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	270.039.364	46.197.164
Chi phí tài chính khác	-	9.779.591
	1.917.970.592	3.673.806.484
Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)</i>	6.492.442	9.779.591

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	202.746.987	341.970.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.701.908.530	7.805.089.432
Chi phí khác bằng tiền	165.581.982	4.591.945.148
	8.070.237.499	12.739.005.135
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)</i>	2.890.864.121	5.175.253.463

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.657.780.430	2.166.883.615
Chi phí nhân công	9.364.723.450	5.725.244.594
Chi phí khấu hao tài sản cố định	241.626.949	321.499.516
Hoàn nhập chi phí dự phòng	-	(4.701.735.000)
Thuế, phí, và lệ phí	15.211.200	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.658.488.654	4.531.749.770
Chi phí khác bằng tiền	7.849.904.624	5.197.961.992
	25.787.735.307	13.244.604.487

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.071.443.996	-
Thu nhập từ thanh lý CCDC, phế phẩm	272.755.840	-
	2.344.199.836	-
Trong đó: Thu nhập khác từ bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)</i>	187.566.840	-

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí trong thời gian ngưng sản xuất	7.703.714.584	-
Các khoản bị phạt	350.000.000	-
Chi phí khác	30.530.488	-
	8.084.245.072	-

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(22.255.833.865)	1.046.897.416
Các khoản điều chỉnh tăng	2.383.051.794	232.726.130
- Chi phí không hợp lệ	1.249.633.500	232.726.130
- Chi phí lãi vay không được trừ theo ND132/2020/ND-CP	1.133.418.294	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(604.357)	(1.230.051.208)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(604.357)	(66.500.348)
- Chi phí lãi vay được trừ chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo theo ND132/2020/ND-CP	-	(1.163.550.860)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(19.873.386.428)	49.572.338
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	9.914.468
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(351.085.532)	551.054.489
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	(912.054.489)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(351.085.532)	(351.085.532)

Lỗ tính thuế chưa sử dụng và các ưu đãi thuế chưa sử dụng nhưng chưa ghi nhận tại sản thuế thu nhập hoãn lại vào Bảng cân đối kế toán:

- Lỗ tính thuế chưa sử dụng:

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng Công ty có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ tính thuế là chưa chắc chắn. Do đó, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào liên quan đến các khoản này được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán năm nay.

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Lỗ tính thuế	Lỗ tính thuế đã sử dụng	Lỗ tính thuế còn được chuyển sang các năm sau
2025	Chưa thanh tra	19.873.386.428	-	19.873.386.428

Phần chi phí lãi vay không được trừ theo quy định tại Nghị định 132/2020/ND-CP ngày 05/11/2020 của Bộ Tài chính được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Số chi phí lãi vay thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính. Chi phí lãi vay vượt quá 30% EBITDA theo Nghị định 132/2020/ND-CP ngày 05/11/2020 của Bộ Tài chính ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Chi phí lãi vay vượt quá 30% EBITDA không được trừ các năm	Chi phí lãi vay không được trừ đã sử dụng	Chi phí lãi vay không được trừ còn được chuyển sang các năm tính thuế sau
		VND	VND	VND
2025	Chưa thanh tra	1.133.418.294	-	1.133.418.294

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(22.255.833.865)	1.036.982.948
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(22.255.833.865)	1.036.982.948
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.187.322	15.187.322
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.465)	68

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	758.824.946.565	1.134.868.020.640
Chi phí nhân công	47.803.134.336	69.987.022.452
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.743.174.334	10.921.049.078
Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.102.501.795	144.030.722.950
Chi phí khác bằng tiền	9.864.713.553	9.360.914.446
	930.338.470.583	1.369.167.729.566

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	90.540.709.459	-	-	90.540.709.459
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.890.930.013	-	-	4.890.930.013
	<u>95.431.639.472</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>95.431.639.472</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.938.846.469	-	-	27.938.846.469
Phải thu khách hàng, phải thu khác	63.265.645.560	-	-	63.265.645.560
	<u>91.204.492.029</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>91.204.492.029</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	1.414.376.978	-	-	1.414.376.978
Chi phí phải trả	103.155.546	-	-	103.155.546
	<u>1.517.532.524</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.517.532.524</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	60.433.592.638	-	-	60.433.592.638
Phải trả người bán, phải trả khác	48.511.133.254	-	-	48.511.133.254
Chi phí phải trả	7.873.769.665	-	-	7.873.769.665
	<u>116.818.495.557</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>116.818.495.557</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	329.016.034.250	1.067.259.553.458
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	389.449.626.888	1.170.307.156.192

34 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 22/02/2012, Ủy ban Nhân dân (gọi tắt là "UBND") tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 519/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 chuyển đổi Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu Đô thị - Thương mại - Dịch vụ. Theo đó, toàn bộ khu vực này, bao gồm cả nhà máy của Công ty, thuộc diện phải di dời. Theo Quyết định số 324/QĐ ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai, tiến độ di dời nhà máy của Công ty thuộc giai đoạn 2, hoàn thành trước tháng 12/2025.

Ngày 11/04/2025, UBND thành phố Biên Hòa đã ban hành Thông báo số 438/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án chuyển đổi nói trên, trong đó diện tích đất của Công ty dự kiến bị thu hồi là khoảng 203.829,70 m². Bên cạnh đó, ngày 09/05/2025, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1515/QĐ-XPHC đối với Công ty do không có giấy phép môi trường theo quy định, đồng thời đình chỉ hoạt động sản xuất trong thời hạn 3,75 tháng kể từ ngày 23/05/2025 và yêu cầu Công ty phải di dời toàn bộ cơ sở sản xuất trước ngày 01/12/2025 đến địa điểm phù hợp với quy hoạch và phân vùng môi trường.

Ngày 10/07/2025, Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp (gọi tắt là "Tổng Công ty Sonadezi") đã có Công văn số 484/SNZ-DAKD về việc thanh lý hợp đồng thuê đất tại KCN Biên Hòa 1 để triển khai thực hiện đề án chuyển đổi KCN Biên Hòa 1 thành khu Đô thị - Thương mại - Dịch vụ. Theo nội dung Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 22/06/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về tiến độ triển khai di dời các doanh nghiệp trong KCN Biên Hòa 1 trước ngày 01/08/2025, do đó Tổng Công ty Sonadezi sẽ chấm dứt cung cấp dịch vụ hạ tầng KCN Biên Hòa 1 kể từ ngày 01/08/2025. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang làm việc với Tổng Công ty Sonadezi để tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng thuê đất và sử dụng hạ tầng trong KCN Biên Hòa 1.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 12/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 26/12/2025, các cổ đông Công ty thông qua chủ trương đầu tư dự án có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Theo đó, Cổ đông thông qua chủ trương đầu tư "Dự án di dời Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL" đến địa điểm mới. Dự án này có tổng mức đầu tư dự kiến từ 1.500 tỷ đến 2.000 tỷ đồng, thời gian thực hiện dự kiến từ năm 2025 đến 2027. Đồng thời, căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 06/02/2026, các cổ đông Công ty đã thông qua việc thay đổi trụ sở chính Công ty đến số 1, Đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai, nhằm từng bước hoàn tất các thủ tục bàn giao mặt bằng, chấm dứt hợp đồng thuê đất với Tổng Công ty Sonadezi, sau đó là tìm phương án di dời nhà máy sản xuất của Công ty đến địa điểm phù hợp.

Tuy nhiên do gặp nhiều vấn đề khó khăn, Công ty chưa có phương án chính thức về kế hoạch di dời nhà máy.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Bùi Tuấn Anh	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Sản xuất Sản phẩm mạ Công nghiệp Vinal	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Tôn mạ VNSTEEL Thăng Long	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Thép Tấm Miền Nam	Cùng công ty mẹ (*)

S-C
TY
KHU
H
1 TC
3 C
H P

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau (tiếp theo):

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty TNHH MTV Cung ứng Nhân lực và Dịch vụ - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Vinausteel	Cùng công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Tân Thành Mỹ	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Nippovina	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty Tôn Phương Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Gia công và Dịch vụ Thép Sài Gòn	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty Liên doanh Vật liệu Chịu lửa Nam Ứng	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Óng thép Việt Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Trúc Thôn	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Nasteelvina	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Trung Tâm Thương mại Quốc Tế (IBC)	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Thép VSC - POSCO (VPS)	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Khoáng sản Luyện kim Việt Trung	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Nassin Logistics	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty Cổ phần Kim Khí Miền Trung	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Agility	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Lotte Vinatrans Global Logistics Việt Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ (*)
Công ty TNHH Thép VAS An Hưng Tường	Ông Nguyễn Bảo Giang là Chủ tịch HĐQT của Công ty (**)
Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	Người quản lý chủ chốt

(*) Ngày 23/10/2025, Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP đã hoàn tất việc thoái toàn bộ 65% cổ phần tại Công ty. Theo đó, kể từ ngày 24/10/2025, Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP và các thành viên là bên liên quan của Công ty này không còn là bên liên quan của Công ty. Các giao dịch phát sinh với các bên nêu trên được trình bày số liệu từ ngày 01/01/2025 đến ngày 23/10/2025 như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 23/10/2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	751.130.327.593	1.016.972.112.908
- Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	65.203.267.017	36.583.197.623
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	349.182.076.036	725.335.273.908
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	156.552.093.412	119.978.738.726
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	100.970.776	89.370.576
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	30.825.000	215.905.000
- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	11.033.052.452	50.436.774.529
- Công ty TNHH Thép VINAKYOEI	130.696.207.800	84.327.398.000
- Công ty Tôn Phương Nam	-	5.454.546
- Công ty Cổ phần Vinausteel	38.331.835.100	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.407.172.400	4.161.082.266
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	1.407.172.400	4.161.082.266
Mua hàng hóa, vật tư	3.321.891.989	4.655.861.889
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	498.000.000	996.000.000
- Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vinal - VNSTEEL	129.629.500	-
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	-	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	1.394.866.500	3.199.714.000
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	4.176.545	87.786.815
- Công ty Liên doanh Nippovina	-	358.887.000
- Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	1.253.175.000	-
- Công ty Cổ phần Giao nhận ngoại thương Việt Nam	42.044.444	13.474.074
Doanh thu hoạt động tài chính	-	17.904.118
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	-	7.034.023
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	-	10.870.095
Chi phí tài chính	6.492.442	9.779.591
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	6.492.442	9.779.591
Chi phí bán hàng	2.890.864.121	5.175.253.463
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	1.201.384.394	4.050.773.600
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	145.969.692	220.977.568
- Công ty Cổ phần Giao nhận ngoại thương Việt Nam	1.529.451.270	872.605.800
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	14.058.765	30.896.495

(**) Ngày 26/12/2025, Ông Nguyễn Bảo Giang miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT Công ty, do đó, các giao dịch phát sinh của Công ty với Công ty TNHH Thép VAS An Hưng Tường được trình bày từ ngày 01/01/2025 đến ngày 26/12/2025 như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 26/12/2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	84.793.664.895	-
- Công ty TNHH Thép VAS An Hưng Tường	84.793.664.895	-
Thu nhập khác	187.566.840	-
- Công ty TNHH Thép VAS An Hưng Tường	187.566.840	-

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt	2.774.749.368	4.788.508.884
Ông Nguyễn Phú Dương	54.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Sơn	369.108.000	575.168.000
Ông Ngô Tiến Thọ	537.106.000	168.245.000
Ông Huỳnh Công Du	-	561.355.000
Ông Nguyễn Văn Thoan	24.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Bảo Giang	60.000.000	60.000.000
Ông Dương Văn Hà	36.000.000	-
Ông Hoàng Ngọc Chiến	60.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Đông Vững	-	200.055.500
Ông Vương Thanh Đường	283.155.000	487.848.000
Ông Vũ Hồng Khanh	430.579.000	429.893.500
Ông Nguyễn Quyết Chiến	447.172.000	416.782.000
Ông Hoàng Đức Hoa	-	206.605.500
Bà Ngô Thị Minh Nguyệt	36.000.000	-
Ông Nguyễn Phước Hải	159.578.000	418.889.000
Ông Nguyễn Bạch Đường	233.051.368	341.411.398
Ông Đặng Minh Đức	45.000.000	42.000.000
Ông Hồ Duy Khải	-	350.847.727
Bà Trương Thị Kim Anh	-	445.408.259

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Huỳnh Thị Kim Tuyền
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Thanh
Phụ trách kế toán

Nguyễn Khắc Sơn
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026



Số: 13.../CV-VCS
V/v: Giải trình chênh lệch
lợi nhuận năm 2025

Đồng Nai, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán, Công ty Cổ phần Thép VICASA (mã chứng khoán: VCA) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế như sau:

1. Chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Chênh lệch tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	1,037	-22,256	-23,293	-2.254%

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 lỗ 22,256 tỷ đồng, giảm 23,293 tỷ đồng so với năm 2024 là 1,037 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã ngưng sản xuất từ ngày 19/06/2025 theo quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai, làm ảnh hưởng đáng kể đến doanh thu và lợi nhuận trong năm 2025.

2. Chênh lệch lợi nhuận sau thuế trước và sau kiểm toán năm 2025:

Chỉ tiêu	Năm 2025 trước kiểm toán	Năm 2025 sau kiểm toán	Chênh lệch trước/Sau kiểm toán	Tỷ lệ Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	-14,800	-22,256	-7,456	-50,38%

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 sau kiểm toán giảm thêm 7,456 tỷ đồng (tương đương 50,38%) so với số liệu trước kiểm toán, do các điều chỉnh theo đề nghị của kiểm toán, bao gồm:

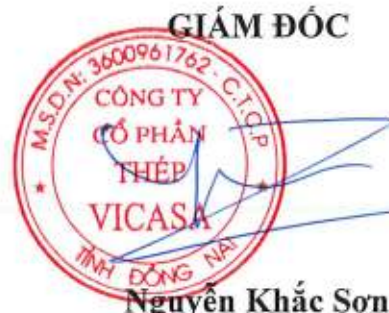
- Tăng chi phí khác 7,704 tỷ đồng: Bổ sung ghi nhận chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước trong thời gian Công ty ngưng sản xuất.

- Tăng doanh thu tài chính 0,248 tỷ đồng: Ghi nhận bổ sung lãi dự thu từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn tính đến ngày 31/12/2025.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM
- Lưu văn thư Công ty.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khắc Sơn

Số: *14*/CV-VCS

Đồng Nai, ngày 31 tháng 03 năm 2026

V/v: Giải trình ý kiến ngoại trừ
của kiểm toán trên Báo cáo tài
chính năm 2025

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Căn cứ thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Công ty Cổ phần Thép VICASA (mã chứng khoán VCA) Giải trình về ý kiến kiểm toán không chấp nhận toàn phần Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 như sau:

1. Ý kiến kiểm toán

1.1. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 01 và Thuyết minh số 34 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, nhà máy của Công ty nằm trong phạm vi quy hoạch chuyển đổi công năng Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu Đô thị – Thương mại – Dịch vụ theo Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 22/02/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai và Thông báo số 438/TB-UBND ngày 11/04/2025 của UBND thành phố Biên Hòa. Ngoài ra, theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1515/QĐ-XPHC ngày 09/05/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai, Công ty bị đình chỉ hoạt động trong 3,75 tháng do chưa có giấy phép môi trường và buộc phải di dời toàn bộ cơ sở sản xuất trước ngày 01/12/2025. Do đó, Công ty đã ngừng hoạt động sản xuất tại lò luyện thép và sản cán thành phẩm. Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa thực hiện di dời nhà máy cũng như chưa có phương án chính thức về kế hoạch di dời. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam nhưng chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá việc Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp hay không.

Đến thời điểm hiện tại, Chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi và xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho bao gồm nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu và phụ tùng với tổng giá trị tại thời điểm 31/12/2025 là 30.459.189.266 VND. Do đó, chúng tôi chưa thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

1.2. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại đoạn Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép VICASA tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Giải trình của Công ty

2.1 Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Liên quan đến việc di dời nhà máy theo quy hoạch của cơ quan có thẩm quyền, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 12/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 26/12/2025, các cổ đông Công ty đã thông qua chủ trương đầu tư “Dự án di dời Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL” đến địa điểm mới với tổng mức đầu tư dự kiến từ 1.500 tỷ đồng đến 2.000 tỷ đồng, thời gian thực hiện dự kiến từ năm 2025 đến 2027.

Đồng thời, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 06/02/2026, các cổ đông Công ty đã thông qua việc thay đổi trụ sở chính của Công ty đến Khu công nghiệp Biên Hòa 2 nhằm phục vụ công tác bàn giao mặt bằng, chấm dứt hợp đồng thuê đất và duy trì hoạt động trong giai đoạn chuyển tiếp.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đang từng bước triển khai các công việc liên quan, bao gồm tìm kiếm địa điểm phù hợp, xây dựng kế hoạch đầu tư và chuẩn bị các nguồn lực cần thiết để thực hiện di dời theo lộ trình đã được phê duyệt. Nguồn vốn thực hiện dự án dự kiến được huy động từ vốn tự có, vốn vay và các nguồn hợp pháp khác của Công ty.

Tại thời điểm hiện tại, mặc dù Công ty đã tạm ngừng hoạt động sản xuất tại nhà máy hiện hữu, Công ty vẫn duy trì tổng số 84 lao động phục vụ công tác tháo dỡ, chuẩn bị di dời, thiết kế dự án mới cũng như duy trì các hoạt động quản lý và vận hành cần thiết.

Căn cứ vào các nghị quyết đã được thông qua cùng với các kế hoạch và biện pháp đang triển khai, Ban Giám đốc Công ty đánh giá Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vẫn được lập trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong thời gian tới là phù hợp.

2.2 Về hàng tồn kho

Tại ngày 31/12/2025, giá trị hàng tồn kho của Công ty là 70.937.498.167 đồng. Trong đó, nguyên vật liệu chính và công cụ, dụng cụ là 40.478.308.901 đồng (chiếm 57,06%), giá trị nguyên vật liệu, nhiên liệu và phụ tùng tồn kho là 30.459.189.266 đồng (chiếm 42,94%). Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền 4.491.866.125 đồng đối với nguyên vật liệu chính.

Do đặc thù ngành nghề sản xuất và trong bối cảnh Công ty đang triển khai công tác di dời nhà máy, việc đánh giá khả năng thu hồi và xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho gặp nhiều khó khăn, đặc biệt trong việc xác định giá trị thu hồi phù hợp. Hiện tại, Công ty đang tiến hành rà soát, đánh giá lại hiện trạng, khả năng

sử dụng và tiêu thụ của từng loại hàng tồn kho làm cơ sở xác định giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện phương án di dời và từng bước ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, Công ty cam kết sẽ thực hiện công bố thông tin đầy đủ đến các cơ quan chức năng và các bên liên quan khi có các thông tin trọng yếu ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM
- Lưu văn thư Công ty.

